TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2023/DS-ST
Ngày: 31/8/2023
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Bà Đặng Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hữu Bình;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Thu.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 189/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2023 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2023/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2023/QĐST-DS ngày 11/8/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969; địa chỉ: Số 39 đường 13/3, khu phố A, thị trấn DT, huyện DT, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn*: Ông Lê X, sinh năm 1990 và bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1993; địa chỉ: Số 43, đường 13/3 khu phố A, thị trấn DT, huyện DT, tỉnh Bình Dương.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê H1, sinh năm 1963; địa chỉ: số 70 đường Lê Hồng Phong, khu phố B, thị trấn DT, huyện DT, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn ông X, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt; bị đơn bà H vắng mặt lần thứ 2 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 26/4/2023, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà T trình bày:*

Do quen biết nên bà T có cho bà H, ông X vay số tiền là 300.000.000 đồng vào ngày 20/12/2020 để làm ăn. Khi vay thì bà H, ông X có làm giấy tay do chính bà H tự viết, ký tên, lăn tay và ông X có cùng ký tên, lăn tay vào giấy mượn tiền. Ông X có tự nguyện giao cho bà T giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H04803/QĐ-UB ngày 27/12/2005 do UBND huyện Dầu Tiếng cấp cho ông Lê H1.

Đến ngày 14/10/2021 bà H có trả cho bà T được số tiền là 100.000.000 đồng. Sau đó, nhiều lần bà T yêu cầu ông X, bà H thanh toán tiền nhưng không được. Do đó bà T khởi kiện.

Nay bà T yêu cầu như sau:

- Bà Nguyễn Thị T yêu cầu ông Lê X và bà Nguyễn Ngọc H thanh toán số tiền gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 14/10/2021 đến ngày 14/4/2023, lãi suất 1,5%/tháng là 54.000.000 đồng.

- Riêng số tiền 300.000.000 đồng ban đầu thì bà T yêu cầu ông X, bà H thanh toán tiền lãi từ ngày 20/12/2020 đến ngày 14/10/2021 là 45.000.000 đồng.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lê H thì khi nào ông X, bà H thanh toán hết tiền cho bà thì bà trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho ông X vì ông X là người giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho bà.

Tại phiên tòa, bà T yêu cầu tính tiền lãi cho đến khi xét xử sơ thẩm đối với số tiền gốc là 200.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng.

Ngoài ra bà T không có ý kiến nào khác.

** Theo bản tự khai ngày 13/7/2023, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông X trình bày:*

Ngày 20/12/2020 do cần vốn làm ăn nên ông X và bà H có vay của bà T số tiền là 300.000.000 đồng. Khi vay có làm giấy tay, ông X và bà H có ký tên, ghi họ tên vào giấy mượn tiền. Bà H có lén lấy bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H04803/QĐ-UB ngày 27/12/2005 do UBND huyện Dầu Tiếng cấp cho ông Lê H1 giao cho bà T giữ để làm tin. Sau đó, bà H có lấy của mẹ ông X số tiền là 100.000.000 đồng để trả cho bà T. Hiện nay thì còn nợ bà T số tiền là 200.000.000 đồng.

Trước yêu cầu khởi kiện của bà T thì ông X đồng ý thanh toán cho bà Thủy tiền gốc 200.000.000 đồng. Về tiền lãi thì ông X yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật. Số tiền nợ này ông X yêu cầu bà H cùng có trách nhiệm thanh toán cho bà T vì hiện nay ông X và bà H đã ly hôn.

Ngoài ra ông X không có ý kiến gì khác.

** Trong quá trình tố tụng để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục cấp, tống đạt các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ theo quy định pháp*

luật để báo cho bị đơn bà Nguyễn Ngọc H biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng bà H vẫn vắng mặt không có lý do.

** Theo bản tự khai ngày 13/7/2023, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông H1 trình bày:*

Ông H1 là cha ruột của ông Lê X; bà Nguyễn Ngọc H là con dâu, nhưng hiện nay Lê X và Nguyễn Ngọc H đã ly hôn. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H04803/QĐ-UB ngày 27/12/2005 do UBND huyện Dầu Tiếng cấp cho ông Lê H1 do ông đưa cho hai con (Lê X và bà H) để đi làm giấy phép kinh doanh. Nhưng sau đó vợ chồng Lê X và H tự lấy đem đưa cho bà T giữ để làm tin nhằm mục đích vay tiền. Sự việc này ban đầu thì ông H1 không biết. Sau này Lê X và H đỗ nợ thì mới nói ông H1 biết. Nay ông yêu cầu bà T trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông.

Ngoài ra ông H1 không có ý kiến nào khác.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý và giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn ông Xanh và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Hiền vi phạm quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận một phần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ, sau khi nghe lời trình bày của các đương sự Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện ông Lê X và bà Nguyễn Ngọc H yêu cầu thanh toán số tiền vay là 200.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 20/12/2020. Do đó, quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông X, bà H có nơi cư trú tại khu phố A, thị trấn DT, huyện DT, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà H được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử

căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà H.

[2] Nội dung vụ án: Ngày 20/12/2020 bà T có cho bà H, ông X vay số tiền là 300.000.000 đồng. Khi vay thì bà H, ông X có làm giấy tay do chính bà H tự viết, ký tên, lăn tay và ông X có cùng ký tên, lăn tay vào giấy mượn tiền. Ông X có giao cho bà T giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H04803/QĐ-UB ngày 27/12/2005 do UBND huyện Dầu Tiếng cấp cho ông Lê H1. Đến ngày 14/10/2021 bà H có trả cho bà T được số tiền là 100.000.000 đồng. Nay bà T khởi kiện yêu cầu ông X và bà H thanh toán số tiền gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi.

Trước yêu cầu khởi kiện của bà T, ông X đồng ý cùng bà H thanh toán tiền gốc. Về tiền lãi, ông X yêu cầu giải quyết theo quy định.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy: Theo giấy mượn tiền ngày 20/12/2020 thể hiện ông X, bà H có vay của bà T số tiền là 300.000.000 đồng. Hai bên không thỏa thuận lãi suất và thời hạn thanh toán. Do đó, hợp đồng vay tiền này là vay không thời hạn và không thỏa thuận lãi suất.

Giấy mượn tiền ngày 20/12/2020 do bà T cung cấp là bản chính. Ông X thừa nhận chữ ký trong giấy mượn tiền là của ông. Ông X thừa nhận có cùng bà H vay số tiền này và đồng ý cùng bà H có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ 200.000.000 đồng cho bà T. Mặc khác, Tòa án đã tiến hành niêm yết cho bà H giấy mượn tiền ngày 20/12/2020 mà bà T cung cấp cũng như các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bà H không có ý kiến gì, không tham gia giải quyết tại tòa. Do đó có cơ sở khẳng định ông X và bà H có vay và còn nợ bà T số tiền là 200.000.000 đồng. Nên bà T yêu cầu ông X, bà H thanh toán số tiền này là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về lãi suất: Bà T yêu cầu tính lãi suất như sau:

- Đối với số tiền 200.000.000 đồng thì bà T yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 14/10/2021 đến khi xét xử, lãi suất 1,5%/tháng.

- Riêng số tiền 300.000.000 đồng ban đầu thì bà T yêu cầu tính lãi từ ngày 20/12/2020 đến ngày 14/10/2021 là 45.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, như nhận định trên thì hợp đồng vay tiền giữa bà T với ông X, bà H là hợp đồng vay không thời hạn và không thỏa thuận lãi suất. Theo khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định *"Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác"*. Nên bà T yêu cầu tính tiền lãi đối với số tiền 300.000.000 đồng từ ngày 20/12/2020 đến ngày 14/10/2021 và tiền lãi 200.000.000 đồng từ ngày 14/10/2021 đến ngày 26/4/2023 (ngày làm đơn khởi kiện), với mức lãi 1,5%/tháng là không phù hợp nên không chấp nhận.

Do hợp đồng không thỏa thuận thời hạn thanh toán nên ngày bà T làm đơn khởi kiện (ngày 26/4/2023) được xem là ngày đến hạn thanh toán. Lãi suất tính lại như sau:

4 tháng 5 ngày x 200.000.000 đồng x 0,835%/tháng = 6.958.000 đồng.

[5] Đối với bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H04803/QĐ-UB ngày 27/12/2005 do UBND huyện Dầu Tiếng cấp cho ông Lê H1, do ông Lê X và bà H giao cho bà T giữ, ông H1 không biết. Ông H1 yêu cầu được nhận lại là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông X, bà H phải chịu án phí đối với số tiền thanh toán cho bà T. Bà T chịu án phí đối với số tiền lãi không được chấp nhận.

[7] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" của bà Nguyễn Thị T đối với ông Lê X và bà Nguyễn Ngọc H.

Buộc ông Lê X và bà Nguyễn Ngọc H có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị T số tiền 206.958.000 đồng (hai trăm lẻ sáu triệu chín trăm năm mươi tám nghìn đồng) gồm 200.000.000 đồng (hai trăm triệu) tiền gốc và 6.958.000 đồng (sáu triệu chín trăm năm mươi tám nghìn đồng) tiền lãi.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông X, bà H không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng ông X, bà H còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Buộc bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm hoàn trả cho ông Lê H1 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H04803/QĐ-UB ngày 27/12/2005 do UBND huyện Dầu Tiếng cấp cho ông Lê H1.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về số tiền lãi 99.000.000 đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê X và bà Nguyễn Ngọc H phải chịu 10.347.900 đồng (mười triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn chín trăm đồng).

- Bà Nguyễn Thị T chịu 4.950.000 đồng (bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào 7.475.000 đồng (bảy triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0011696 ngày 04/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Hoàn lại cho bà T 2.525.000 đồng (hai triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng)

Nguyên đơn, bị đơn ông X, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Thùy Linh